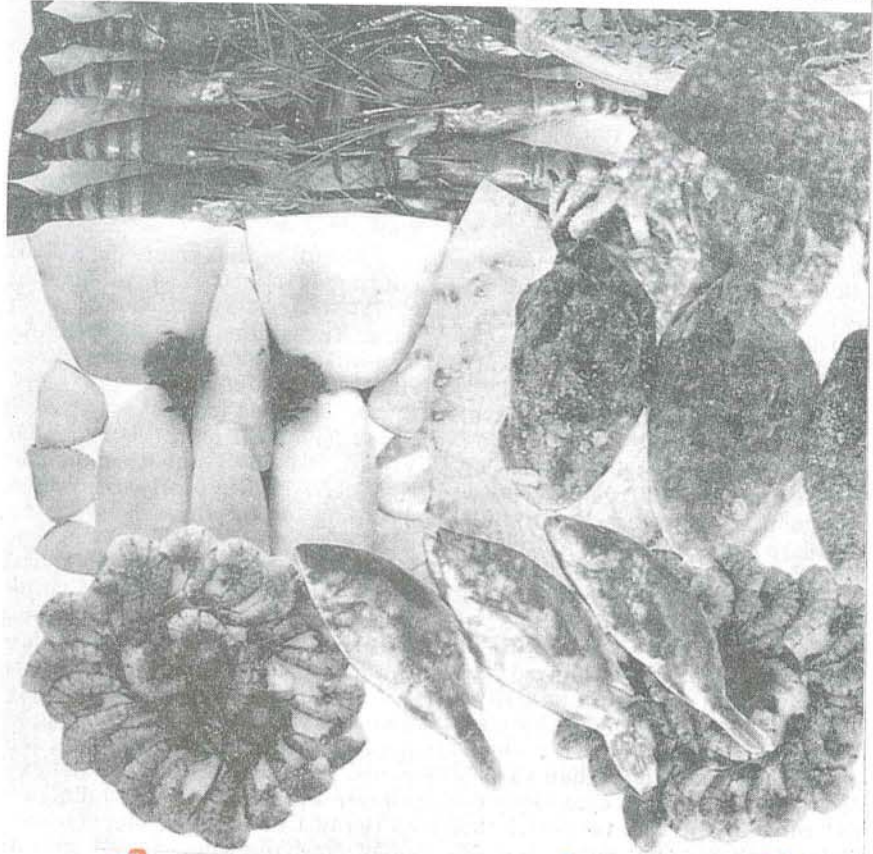


khối lượng xuất khẩu lớn... Bên cạnh thực hiện chính sách hỗ trợ, khuyến khích, cần thành lập quỹ khen thưởng để khen thưởng đúng mức các doanh nghiệp xuất khẩu mặt hàng mới, sản phẩm chất lượng cao, sản phẩm khó xuất khẩu, mở được thị trường mới đối với những sản phẩm xuất khẩu quan trọng. Song song với việc khuyến khích các ngành nghề chế biến xuất khẩu, các doanh nghiệp đầu tư sản xuất ra những mặt hàng là tư liệu sản xuất để chế biến hàng xuất khẩu cũng cần được hưởng ưu đãi miễn thuế, giảm thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế VAT và những ưu đãi về vay vốn...

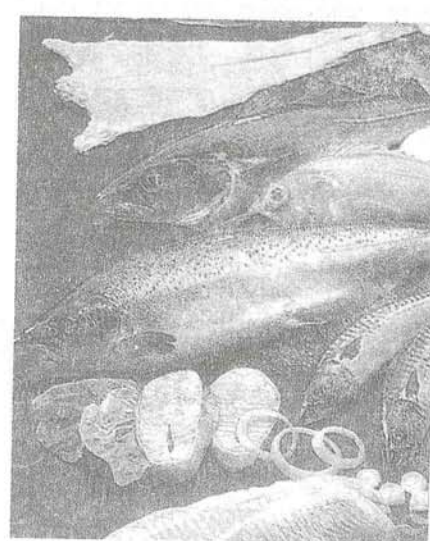
Đi đôi với việc phát huy những ngành nghề lợi thế tuyệt đối, đã đến lúc Việt Nam cần phải chú trọng khai thác triệt để lợi thế so sánh tương đối bằng việc huy động tối đa các nguồn vốn của xã hội để đầu tư thỏa đáng hơn vào việc đào tạo nhân tài, phát triển nguồn nhân lực, nghiên cứu khoa học và ứng dụng công nghệ, xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ cho xuất khẩu... Có như vậy, trong tương lai không xa Việt Nam mới có lợi thế hơn trên thương trường quốc tế trong nhiều ngành công nghiệp nặng và một số ngành công nghệ cao...

Về cơ cấu thành phần kinh tế: Cần khuyến khích thành lập các hiệp hội ngành hàng, như hiệp hội ngành dệt may, cà phê, cao su, gạo... để phối hợp hỗ trợ, tăng cường sức cạnh tranh trên thương trường quốc tế; đẩy mạnh cải cách doanh nghiệp nhà nước trong lĩnh vực xuất khẩu phù hợp với môi trường cạnh tranh và bảo vệ lợi ích quốc gia; cho phép các doanh nghiệp sản xuất thuộc mọi thành phần kinh tế được trực tiếp tham gia xuất khẩu qua nhiều loại hình như: mậu dịch, hợp tác, gia công, tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, xuất khẩu chính ngạch hoặc tiểu ngạch; khuyến khích phát triển các trung tâm nghiên cứu thị trường và dịch vụ cung cấp thông tin để hỗ trợ tốt nhất cho hoạt động xuất khẩu. Nhà nước phải hỗ trợ một phần kinh phí cho các hoạt động này, phần còn lại các doanh nghiệp phải trả dưới hình thức trực tiếp hay gián tiếp sau khi đã thâm nhập vào thị trường ở nước ngoài ■



# **TRIỂN VỌNG XUẤT KHẨU HÀNG THỦY SẢN CỦA VIỆT NAM VÀO THỊ TRƯỜNG LIÊN MINH CHÂU ÂU**

Thạc sĩ NGUYỄN THỊ THU HƯƠNG



1. Chúng ta đều biết, Liên minh châu Âu (EU) được thành lập theo Hiệp định Roma ngày 25 tháng 3 năm 1957. Đây là một trong ba trung tâm kinh tế lớn của thế giới bên cạnh Nhật Bản và Mỹ, với hơn 375 triệu dân, chiếm 31% ngoại thương thế giới, có tốc độ tăng trưởng kinh tế từ năm 1993 - 1998 bình quân là 3%/năm và dự kiến đến năm 2010 đạt từ 3 - 5%/năm. Các nước thuộc liên minh châu Âu là các quốc gia có nền kinh tế phát triển mạnh với: công nghệ hiện đại và có thu nhập cao. EU là một thị trường có sức mua lớn và thống nhất thuế quan. Riêng đối với mặt hàng thủy sản, hàng năm EU chiếm tới 40% nhập khẩu toàn thế giới. Mức tiêu thụ bình quân đầu người là 17kg/năm và tăng dần dần hàng năm khoảng 3%. Trong đó thị trường chính là Anh, Pháp, Đức, Ý,

(1) Công nghiệp hóa hiện đại hóa VN đến năm 2000, nhà xuất bản KHXH; HN 1996, trang 201.  
(2) Thương mại - môi trường và phát triển bền vững ở VN, Nxb Chính trị quốc gia, 1998, trang 265  
(3) Theo nghiên cứu thế giới mức giới hạn an toàn của nhập siêu so với GDP là không vượt quá 8% GDP.  
(4) Nghiên cứu kinh tế số 273 tháng 2.1998 trang 4.

Hà Lan, Tây Ban Nha, EU nhập khẩu hai mặt hàng chính là tôm và cá dưới dạng sản phẩm ăn liền (cá hộp, tôm nhúng...), hàng đông lạnh, hàng tươi sống. EU không chỉ nhập khẩu lớn mà còn xuất khẩu lớn các mặt hàng thủy sản. Nhờ có công nghiệp chế biến và tái chế phát triển hiện đại, phần lớn các sản phẩm nhập khẩu đều được chế biến lại để nâng cao giá trị cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu. Xuất khẩu thủy sản của EU hiện nay đạt 8 tỷ USD/năm. Trong khi đó, ủy ban nghề cá của EU tuyên bố giảm 1/3 sản lượng khai thác thủy sản từ năm 1997 - 2010 nhằm để bảo vệ nguồn lợi thủy sản. Do vậy, nhu cầu nhập khẩu thủy sản của EU là rất lớn. Đây là thị trường khó tính, chọn lọc, với những yêu cầu nghiêm ngặt về tiêu chuẩn chất lượng, an toàn, vệ sinh thực phẩm cao. Chỉ thị 91/493/EEC ban hành tháng 6 năm 1993 quy định các doanh nghiệp tại nước xuất khẩu phải có điều kiện sản xuất tương đương như các doanh nghiệp của nước nhập khẩu và phải được cơ quan kiểm tra chất lượng của EU công nhận. Đối với hàng thực phẩm đóng gói phải ghi rõ tên sản phẩm, thành phần, trọng lượng, thời gian và cách sử dụng sản phẩm nơi sản xuất, các điều kiện để bảo quản và sử dụng, mã số và mã vạch để nhận dạng lô hàng. Đặc biệt cấm nhập những sản phẩm thủy sản bị nhiễm độc do tác động của môi trường hoặc do các chất phụ gia không được phép sử dụng.

EU là thị trường có tính đa dạng cao, với nhiều nhóm cư dân có yêu cầu rất khác nhau trong thói quen tiêu thụ các sản phẩm thủy sản. Có thể tập trung vào hai nhóm chính: sản phẩm thủy sản cho nhu cầu cao cấp của người châu Âu bản địa và sản phẩm thủy sản dùng cho nhu cầu cộng đồng người châu Á trong đó có Việt kiều. Về giá cả, thị trường EU cao hơn các thị trường châu Á khoảng từ 1,1 đến 1,4 và ổn định, thích hợp với chế biến xuất khẩu của VN.

Hàng thủy sản nhập khẩu vào EU chủ yếu từ các nước châu Á như Thái Lan, Nhật Bản, Ấn Độ, VN... Trong đó, Thái Lan là nước dẫn đầu thế giới về nuôi tôm, xuất khẩu tôm và cá ngừ hộp. Thị trường của Thái Lan là EU, Bắc Mỹ và Nhật Bản. Sản phẩm thủy sản của Thái Lan có chất lượng cao, bao gói đẹp, giá cả hợp lý. Tuy nhiên năm 1993, Pháp và Ý đã tẩy chay đồ hộp thủy sản của Thái Lan vì khi kiểm định họ phát hiện có vi trùng dịch tả. Năm 1996, EU cắt bỏ ưu đãi thuế quan đối với tôm Thái Lan để bảo hộ cho tôm của Pháp.

Ấn Độ là nước xuất khẩu mực ống và tôm sang các nước thuộc Liên

minh châu Âu. Các sản phẩm của họ rất được ưa chuộng và được đánh giá cao ở thị trường này do công nghệ của Ấn Độ đã đạt trình độ tiên tiến, đáp ứng được những yêu cầu của EU quy định.

Nhật Bản xuất khẩu sang EU với khối lượng lớn. Các sản phẩm của Nhật có chất lượng cao, chủng loại đa dạng. Tuy nhiên, năm 1995 EU đã cấm nhập các sản phẩm thủy sản từ Nhật Bản do có những căng thẳng về thương mại giữa hai bên.

2. Tháng 11 năm 1990, quan hệ VN và EU được bình thường hóa. Ngày 17.7.1995, VN và EU ký hiệp định hợp tác tại Brussels, trong đó EU dành cho VN quy chế tối huệ quốc (MFN) và quy chế ưu đãi thuế quan (GSP). Năm 1997, VN được chính thức xuất khẩu hàng thủy sản sang EU. Hiện nay, EU là thị trường lớn thứ hai về nhập khẩu thủy sản của VN (tỷ trọng khoảng 15%). Nhập khẩu chủ yếu là tôm đông, cá đông, cá hộp, mực, thịt tôm hỗn hợp và các sản phẩm thủy sản khác trừ mặt hàng nhuyễn thể hai mảnh vỏ (vì đình chỉ từ tháng 1 năm 1997). Cho đến nay, phần lớn hàng thủy sản VN xuất đi EU đều thông qua các công ty của ASEAN như Singapore, Thái Lan và Hồng Kông. Do có những khó khăn từ đặc điểm của thị trường EU: như lượng hàng cung cấp phải ổn định quanh năm; trong thanh toán quốc tế phải mở LC trả chậm 6 tháng hoặc 1 năm; sự khác biệt về luật lệ và thói quen mua bán; chi phí vận chuyển và bảo hiểm cao... Nhưng, cản trở lớn nhất hiện nay của các doanh nghiệp VN khi xuất khẩu hàng thủy sản sang EU vẫn là chất lượng sản phẩm. Yêu cầu chất lượng hàng thủy sản chia làm hai hướng: hoặc là giữ nguyên trạng thái ban đầu (thủy sản tươi sống) hoặc là chế biến theo những công nghệ nhằm duy trì tốt chất lượng nguyên thủy và tạo ra sản phẩm tiện lợi cho người tiêu dùng.

Hiện nay, EU đánh giá chất lượng sản phẩm thủy sản theo 3 chỉ tiêu:

- Chỉ tiêu cảm quan: trạng thái tự nhiên, mùi vị, màu sắc của sản phẩm

- Chỉ tiêu hóa học: quy định hàm lượng Nitơ dưới dạng Amôniac, độ pH trong một gam sản phẩm.

- Chỉ tiêu vi sinh: quy định loại, lượng khuẩn có trong sản phẩm như khuẩn hóa khí, khuẩn hiếm khí, khuẩn Coliformen, Ecoli...

Hiện tại, hàng thủy sản VN vẫn chưa đáp ứng được các yêu cầu về tiêu chuẩn chất lượng, tiêu chuẩn an toàn và vệ sinh thực phẩm của EU. Nguyên nhân chính là:

- Chất lượng nguyên liệu chưa tốt: nguyên liệu được khai thác bừa

bãi lại hạn chế về kỹ thuật bảo quản do đó không đủ tiêu chuẩn về độ tươi, kích cỡ, khối lượng và các chỉ tiêu về sinh thực phẩm.

- Điều kiện an toàn vệ sinh và trang thiết bị chế biến chưa phù hợp: việc đổi mới thiết bị, nâng cấp nhà xưởng... chưa được thực hiện hoặc thực hiện chưa đồng bộ do thiếu vốn, thiếu cán bộ có kỹ thuật và cán bộ quản lý giỏi.

3. Để mở rộng thị trường xuất khẩu thủy sản sang EU, theo chúng tôi các doanh nghiệp chế biến thủy sản xuất khẩu và Bộ thủy sản cần giải quyết tốt một số vấn đề sau:

Thứ nhất: nâng cao chất lượng nguyên liệu thủy sản. Cùng với chủ trương xây dựng và ban hành luật bảo vệ nguồn lợi thủy sản, quy hoạch và phát triển các vùng nguyên liệu thủy sản... Phải hỗ trợ về vốn và kỹ thuật cho khai thác, nuôi trồng và bảo quản nguyên liệu thủy sản như: nâng cấp cầu cảng, bến cá, đóng tàu lớn... Đặc biệt là kỹ thuật sơ chế bảo quản và kỹ thuật gìn giữ chất lượng nguyên liệu. Cần phải triển khai việc quản lý chất lượng nguyên liệu từ khâu khai thác, nuôi trồng.

Thứ hai: cần định hướng, đầu tư thích hợp cho đổi mới công nghệ, nâng cấp các điều kiện sản xuất nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm bớt lao động chân tay để tăng khả năng cạnh tranh.

Thứ ba: Triển khai xây dựng quy chế công nhận các doanh nghiệp áp dụng các phương pháp quản lý chất lượng tiên tiến (GMP & HACCP), thực hiện việc đào tạo về các hệ thống quản lý chất lượng cho cán bộ quản lý các doanh nghiệp, áp dụng các biện pháp khuyến khích cho các doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý chất lượng này.

Thứ tư: tăng cường hợp tác quốc tế, tạo tiền đề pháp lý cho việc mở rộng thị trường, thiết lập quan hệ với các cơ quan có thẩm quyền về chất lượng với các nước thuộc liên minh châu Âu ■

#### Tài liệu tham khảo

1. Tài liệu Hội nghị dự báo thương mại thủy sản VN năm 1997 - Bộ thủy sản - Bộ thương mại.
2. Chế biến thủy sản năm 1996 - 2000 - 2010 - Nguyễn Thảo Nguyên, Hà Nội năm 1995.
3. Tạp chí Thông tin Kinh tế - kỹ thuật, Công ty xuất khẩu thủy sản VN, số 4.1996
4. Hướng phát triển thị trường xuất nhập khẩu VN tới năm 2010 - PTS Phạm Quyền và PTS Lê Minh Tâm - NXB Thống kê, Hà Nội 1997